

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Trung D, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 7/11 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: 7/11 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: 15/37 T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 03/5/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không còn hòa hợp với nhau trong cách nuôi dạy con và không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn đó. Đầu năm 2021, vợ chồng bắt đầu sống riêng cho đến nay. Do không còn tình cảm nữa nên vợ chồng cùng tự nguyện thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc thuận tình ly hôn giữa anh D và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh D và chị L.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L xác nhận có 02 con chung: Nguyễn Tâm A, sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/11/2015. Hiện nay, các cháu A, K đang ở với chị L.

Anh D, chị L thỏa thuận giao 02 con chung là các cháu A, K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và anh D không cấp dưỡng nuôi 02 con.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005834 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L.

- Về con chung: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L xác nhận có 02 con chung: Nguyễn Tâm A, sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/11/2015. Hiện nay, các cháu A, K đang ở với chị L.

Giao cháu Nguyễn Tâm A, Nguyễn Trung K cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và anh Nguyễn Trung D không cấp dưỡng nuôi hai con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005834 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp đủ.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường V, thành phố H (*ĐKKH số 63, quyển số 01/2007, ngày 03/5/2007*);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Nguyễn Đình Tú